**Bản Thông Tin An Toàn**

Vật liệu: 60006506 SUNHA® SUPER 98P

Phiên Bản: 2.3 (VN) Ngày in: 24.05.2018 Ngày sửa đổi lần cuối: 11.04.2017

**MỤC 1: Lai lịch chât/hốn hạp và công ty/đơn vị đàm nhiệm**

**1.1**

**1.2**

**Định danh sản phẩm**

**Tên thương mại của sản phẩm:** SUNHA® SUPER 98P

**Công dụng đã được xác định có liên quan của chât hoặc hỗn hợp và công dụng được khuyên nên tránh**

**1.3**

Công dụng của chất/chế phẩm:

Công nghiệp.

Chất biến tính cho: Vật liệu xây dựng

**Các chi tiết về nhà cung câp bản thông tin an toàn**

Nơi Sản Xuất/Phân Phối:

Địa chỉ/Hộp thư:

Bang/mâ bưu cục/thành phố:

Điện Thoại

Telefax

Wacker Chemie AG Hanns-Seidel-Platz 4 D 81737 Munchen +49 89 6279-0 +49 89 6279-1770

Thông tin về việc tiếp xúc với thực phẩm:

Điện Thoại

Telefax

eMail

+49 8677 83-4888

+49 8677 886-9722

[WLCP-MSDS@wacker.com](mailto:WLCP-MSDS@wacker.com)

**1.4 Số điện thoại khẩn câp**

**Hướng Dẫn Khẩn Cấp (Đức): Hướng Dẫn Khẩn Cấp (Quốc Tế):**

**Đội cứu hỏa của nhà máy National Response Center**

**+49 8677 83-2222 +49 621 60-43333**

**MỤC 2: Nhận dạng hiểm họa**

**2.1 Phân loại hóa chât hoặc hỗn hợp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nhóm | Loại | Đường tiếp xúc |
| Chất lỏng dễ cháy | Loại 3 |  |

**2.2 Các thành phần của nhãn**

(Các) biểu đồ pictogram:



Từ Cảnh Báo: Cảnh báo

|  |  |
| --- | --- |
| Mã Hiểm Họa | Các Công Bố Về Hiểm Họa |
| H226 | Hơi và chất lỏng dễ cháy. |
| P-Code | Các Thông Điệp Đề Phòng |
| P280 | Sử dụng găng tay bảo hộ/trang phục bảo hộ/phương tiện bảo vệ mắt. |
| P210 | Tránh xa nhiêt, bề măt nóng, tia lửa, ngon lửa trần, và các nguồn lửa khác. Không hút thuốc. |
| P370+P378 | Trong trường hơp cháy: Sử dung bôt chữa cháy, bot chiu ancol hoăc cacbon dioxyt để dập lửa. |
| P403+P235 | Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ mát. |
| P501 | Thải bỏ lượng chứa bên trong/dụng cụ đựng vào cơ sở thải bỏ chất thải. |

**2.3 Các hiểm họa khác**

Hít phải bụi xịt khí dung có thể gây hại cho sức khỏe.

Sản phẩm thủy phân tạo thành metanol (số CAS 67-56-1). Metanol độc nếu hít phải, nuốt phải, hoặc tiếp xúc với da, dẫn đến tổn thương không hồi phục nếu hít phải, tiếp xúc với da hoặc nuốt phải và rất dễ cháy.

**MỤC 3: Thành phân câu tạo / thông tin vê các thành phân**

**3.1 Các hóa chất**

không áp dụng

**Bản Thông Tin An Toàn**

Vật liệu: 60006506 SUNHA® SUPER 98P

Phiên Bản: 2.3 (VN) Ngày in: 24.05.2018 Ngày sửa đổi lần cuối: 11.04.2017

1. Các hỗn hợp
2. Các đặc điểm hóa học

nhựa alkylsilicon có các nhóm alkoxy + chất độn + phụ

1. Các thành phẩn nguy hiểm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số EC | Số CAS | Vật liệu | Nội Dung % |
| 222-883-3 | 3648-18-8 | Di-n-octyltindodecylat | <2 |

**MỤC 4: Các biện pháp sơ cứu**

1. Mô tả các biện pháp sơ cứu Thông tin chung:

Đưa nạn nhân ra nơi an toàn. Tuân thủ hướng dẫn tự bảo vệ khi sơ cứu.

Sau khi tiếp xúc với mắt:

Lập tức rửa bằng nhiều nước trong thời gian từ 10 - 15 phút. Tìm bác sĩ chăm sóc trong trường hợp tiếp tục bị kích ứng.

Sau khi tiếp xúc với da:

Cởi bỏ quần áo ô nhiễm hoặc bị thấm. Rửa ngay lập tức bằng nhiều xà phòng và nước. Trong trường hợp thấy có thay đổi rõ ràng ở da hoặc tình trạng khó chịu khác, hỏi ý kiến bác sĩ (cho xem nhãn hoặc bản thông tin an toàn nếu có thể).

Sau khi hít phải:

Giữ cho bệnh nhân được thư thái. Nếu bất tỉnh, đặt bệnh nhân nằm nghiêng sang một bên ở tư thế vững vàng. Bảo vệ chống mất nhiệt cho cơ thể. Khi có cảm giác ốm tìm hỏi ý kiến bác sĩ ngay (cho xem nhãn hoặc bản thông tin an toàn nếu có thể).

Sau khi nuốt phải:

Nếu còn tỉnh, cho uống từng lượng nước nhỏ trong nhiều lần. Không gây nôn. Tìm bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và cho họ biết rõ hóa chất.

1. Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và chậm

Có thể tìm mọi thông tin liên quan trong các phần khác của mục này.

1. Dấu hiệu cần thiết phải được bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và điều trị đặc biệt

Metanol (mã số CAS 67-56-1) dễ dàng và nhanh chóng được hấp thụ qua tất cả các đường tiếp xúc và độc với tất cả các đường tiếp xúc. Metanol có thể gây kích ứng niêm mạc, cũng như gây buồn nôn, nôn ói, nhức đầu, mất thăng bằng và rối loạn về thị giác, bao gồm mù, (tổn thương không hồi phục cho dây thần kinh thị giác), nhiễm toan, co thắt, mê man và hôn mê. Các tác dụng này có thể sẽ chậm diễn ra sau khi tiếp xúc.

Thông tin thêm về độc tính tại mục 11 cần phải được tuân thủ.

**MỤC 5: Các biện pháp chứa cháy**

1. Chất chữa cháy

Các chất chữa cháy phù hợp:

sương nước , bột chữa cháy , bọt chịu alcol , cacbon dioxyt , cát .

Chất chữa cháy không được sử dụng vì lý do an toàn:

vòi phun nước .

1. Các hiểm họa đặc biệt nảy sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Nguy cơ sinh khí hoặc khói độc khi gặp hỏa hoạn. Tiếp xúc với các sản phẩm cháy có thể là một hiểm họa cho sức khỏe! Các sản phẩm cháy gây nguy hiểm: Các cacbon oxyt , Các silic oxyt , Các hydrocacbon không cháy hết , Các khói độc và rất độc .

1. Hướng dẫn cho nhân viên chữa cháy

Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy:

Sử dụng thiết bị thở độc lập tự cấp không khí. Giữ những người không mang trang bị bảo hộ tránh xa.

**Bản Thông Tin An Toàn**

Vật liệu: 60006506 SUNHA® SUPER 98P

Phiên Bản: 2.3 (VN) Ngày in: 24.05.2018 Ngày sửa đổi lần cuối: 11.04.2017

**MỤC 6: Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ**

1. Các biện pháp đề phòng cho người, trang bị bảo hộ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Bảo vệ khu vực. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân (xem mục 8). Giữ những người không mang trang bị bảo hộ tránh xa. Tránh tiếp xúc với mắt và da. Không hít các thể khí/hơi/khí dung. Nếu vật liệu bị tràn đổ, hây cảnh báo trơn trượt. Không bước qua vật liệu bị tràn đổ.

1. Các biện pháp đề phòng cho môi trường

Phòng ngừa vật liệu xâm nhập vào các vùng nước mặt, hệ thống thoát nước hoặc cống rãnh và đất. Ngăn chặn rò rỉ nếu làm được mà không gặp nguy hiểm. Ngăn chặn tất cả các chất dịch chảy ra bằng vật liệu phù hợp (ví dụ đất). Giữ lại nước/nước chữa cháy đã bị nhiễm hóa chất. Thải bỏ trong thùng chứa quy định có dán nhãn. Thông báo cho cơ quan có thẩm quyền nếu chất rò rỉ vào các vùng nước mặt, cống rãnh hoặc xuống đất.

1. Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

Thu gom bằng phương pháp cơ học và thải bỏ theo các quy định của địa phương/bang/liên bang. Không xả trôi bằng nước. Với các lượng nhỏ: Thấm hút bằng một vật liệu liên kết chất lỏng trung tính (không axit / không kiềm) như đất điatomit rồi thải bỏ theo quy định của chính quyền. Với các lượng lớn: Có thể thu hồi các chất lỏng bằng thiết bị hút hoặc bơm. Nếu dễ cháy, chỉ nên dùng thiết bị chạy bằng khí nén hoặc thiết bị điện có cấp hạng phù hợp. Làm sạch mọi lớp phủ trơn trượt còn lại bằng dung dịch chất tẩy rửa / xà phòng hoặc chất làm sạch khác dễ phân hủy sinh học. Các dung dịch silicon có tính trơn; nên tràn đổ sẽ gây hiểm họa trượt té. Sử dụng cát hoặc vật liệu hạt trơ khác để nâng cao độ bám.

Thông tin thêm:

Các hơi thải. Loại bỏ tất cả các nguồn lửa. Xem xét bảo vệ chống nổ. Xem các lưu ý trong mục 7.

1. Tham khảo các mục khác

Thông tin liên quan trong những mục khác cần phải được xem xét. Điều này áp dụng đặc biệt cho thông tin cung cấp trong phần trang bị bảo hộ cá nhân (mục 8) và về thải bỏ (mục 13).

**MỤC 7: Thao tác và bảo quản**

1. Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn:

Bảo đảm thông khí đầy đủ. Phải dùng ống xi phông hút tại chỗ. Chất tràn đổ gây tăng nguy cơ trượt ngã. Tránh tạo thành các khí dung. Trong trường hợp có tạo thành khí dung, cần dùng các biện pháp bảo vệ đặc biệt (hút thoát khí, bảo vệ đường hô hấp). Xem thông tin tại mục 8. Tránh xa các chất tương kỵ theo mục 10.

Các biện pháp đề phòng chống cháy và nổ:

Sản phẩm có thể tách ra metanol. Hơi dễ cháy có thể tích tụ và tạo thành các hỗn hợp nổ với không khí trong thùng chứa, bình xử lý, kể cả các thùng chứa và bình còn lại một phần, đã cạn và chưa làm sạch, hoặc các khu vực có không gian kín khác. Tránh xa các nguồn lửa và không hút thuốc. Sử dụng các biện pháp đề phòng tích tĩnh điện. Làm nguội các thùng chứa có thể bị gây nguy hiểm bằng nước.

1. Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tuơng kỵ

Các yêu cẩu đối với phòng bảo quản và bình chứa:

Tuân thủ các quy định của địa phương/bang/liên bang.

Hướng dẫn bảo quản các vật liệu tương kỵ:

Tuân thủ các quy định của địa phương/bang/liên bang.

Thông tin thêm về bảo quản:

Bảo quản ở nơi khô mát. Bảo vệ chống ẩm. Bảo quản dụng cụ đựng ở nơi thông khí tốt.

1. (Các) công dụng cụ thể cho người sử dụng trực tiếp

Không có dữ liệu.

**MỤC 8: Kiêm soát tiêp xúc/bảo vệ cá nhân**

1. Các thông số kiểm soát

Nồng độ tối đa trong không khí tại nơi làm việc:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số CAS | Vật liệu | Loại | mg/m3 | ppm | Nhóm bụi | Sợi/m3 |
|  | Khí dung - phần có thể hít phải |  | 10,0 |  |  |  |

**Bản Thông Tin An Toàn**

Vật liệu: 60006506 SUNHA® SUPER 98P

Phiên Bản: 2.3 (VN) Ngày in: 24.05.2018 Ngày sửa đổi lần cuối: 11.04.2017

Giới hạn khí dung đã ghi là giới hạn đề nghị khi có sự tạo thành khí dung trong quá trình xử lý.

1. Các biện pháp kiểm soát tiếp xúc
2. Việc tiếp xúc tại nơi làm việc được giới hạn và kiểm soát Các biện pháp bảo hộ và vệ sinh chung:

Tuân thủ các biện pháp thực hành vệ sinh công nghiệp thông thường khi làm việc với hóa chất. Không hít các thể khí/hơi/khí dung. Sử dụng với biện pháp thông khí đầy đủ. Tránh tiếp xúc với mắt và da. Nên bảo vệ da để phòng ngừa. Cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm, bị thấm ngay lập tức. Thường xuyên làm sạch các khu vực làm việc. Cung cấp phòng tắm khẩn cấp và nơi rửa mắt.

Không ăn, uống, hoặc hút thuốc trong khi đang thao tác. Tránh xa thức ăn, thức uống và thực phẩm gia súc.

Trang bị bảo hộ cá nhân:

Bảo vệ đường hô hấp

Nếu không thể loại trừ khả năng bị tiếp xúc do hít phải trên nồng độ giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp, phải sử dụng thiết bị bảo vệ đường hô hấp thích hợp. Trang bị bảo vệ hô hấp phù hợp: Thiết bị thở có mặt nạ che toàn mặt, đạt các tiêu chuẩn đã được phê chuẩn như EN 136 chẳng hạn.

Loại Bộ Lọc Nên Dùng: Bộ lọc khí loại ABEK (các loại khí và hơi vô cơ, hữu cơ và axit nào đó; amoniac/amin), đạt các tiêu chuẩn đã được phê chuẩn như EN 14387 chẳng hạn

Trong trường hợp tiếp xúc với sương, bụi xịt hoặc khí dung phải sử dụng trang bị bảo vệ hô hấp cá nhân và trang phục bảo hộ phù hợp. Trang bị bảo vệ hô hấp phù hợp: Thiết bị thở có mặt nạ che toàn mặt, đạt các tiêu chuẩn đã được phê chuẩn như EN 136 chẳng hạn.

Loại Bộ Lọc Nên Dùng: Bộ lọc kết hợp loại ABEK-P2 (các loại khí và hơi vô cơ, hữu cơ và axit nào đó; amoniac/amin; hạt), đạt các tiêu chuẩn đã được phê chuẩn như EN 14387 chẳng hạn

Phải tuân thủ các giới hạn về thời gian tiêu hao của các thiết bị thở và thông tin do nhà sản xuất thiết bị cung cấp.

Bảo vệ mắt

Kính bảo hộ gắn khít .

Bảo vệ tay

Cần sử dụng găng tay vào mọi lúc khi thao tác với vật liệu này.

Các loại găng tay nên dùng: Găng tay bảo hộ bằng cao su butyl Độ dày của vật liệu: > 0,5 mm Thời gian thấm qua: > 480 min

Các loại găng tay nên dùng: Găng tay bảo hộ bằng cao su nitril Độ dày của vật liệu: > 0,4 mm Thời gian thấm qua: 10 - 30 min

Xin tuân thủ các hướng dẫn về khả năng thấm và thời gian thấm qua của nhà cung cấp găng tay. Cũng cần phải xem xét các điều kiện cụ thể tại chỗ nơi mà sản phẩm được sử dụng, như nguy cơ bị cắt rách, mài mòn, và thời gian tiếp xúc. Lưu ý rằng trong sử dụng hàng ngày, độ bền của găng tay bảo hộ chống hóa chất có thể ngắn hơn đáng kể so với thời gian thấm qua xác định được, do nhiều ảnh hưởng bên ngoài (như nhiệt độ chẳng hạn).

Bảo vệ da

Khi thao tác hở: Quần áo bảo hộ chống hóa chất, phương tiện bảo vệ kín chất lỏng cho toàn cơ thể nếu cần. Xin tuân thủ các hướng dẫn về thời gian thấm qua của nhà cung cấp.

1. Việc tiếp xúc với môi trường được giới hạn và kiểm soát

Phòng ngừa vật liệu xâm nhập vào các vùng nước mặt, hệ thống thoát nước hoặc cống rãnh và đất.

1. Thông tin thêm cho việc thiết kế hệ thống và các biện pháp kỹ thuật

Xem thông tin tại mục 7. Tuân thủ các quy định của quốc gia.

**MỤC 9: Các tính chất vật lý và hóa học**

1. Thông tin về các tính chất lý hóa cơ bản

Tính chất: Giá trị: Phương pháp:

Ngoại quan

Trạng thái vật lý/ dạng : Lỏng

**Bản Thông Tin An Toàn**

Vật liệu: 60006506 SUNHA® SUPER 98P

Phiên Bản: 2.3 (VN) Ngày in: 24.05.2018 Ngày sửa đổi lần cuối: 11.04.2017

I

I

I

I

Màu

Màu

**Mùi**

Mùi

Giới hạn mùi Giới hạn mùi :

**Giá trị pH**

Giá trị pH

**Điểm chảy / Điểm đông đặc**

Điểm chảy/vùng nhiệt độ chảy

**Điểm sôi/Vùng nhiệt độ sôi**

Điểm sôi/Vùng nhiệt độ sôi

**Điểm bốc cháy**

Điểm bốc cháy

Khả năng cháy liên tục

**Tốc độ bay hơi**

Tốc độ bay hơi

**Các giới hạn cháy hoặc nổ trên/dưới**

Giới hạn nổ dưới(LEL)

Giới hạn nổ trên (UEL)

**Áp suất hơi**

Áp suất hơi

Áp suất hơi

**Độ hòa tan**

Nước xịt

**tỷ khối hơi**

tỷ khối hơi

**Tỷ T rọng T ương Đối**

Tỷ Trọng Tương Đối

Tỷ Trọng

**Hệ số phân bố n-octanol/nước**

Hệ số phân bố n-octanol/nước

**Nhiệt độ tự bốc cháy**

Nhiệt độ duy trì cháy

**Độ nhớt**

Độ nhớt (động lực học)

**Khối lượng phân tử**

Khối lượng phân tử

mờ đục không màu

nhẹ

không có dữ liệu nào trong tay không áp dụng Không xác định

* 190 °C ở 1013 hPa

42 °C

* 110 °C

không có dữ liệu nào trong tay

Không xác định Không xác định

* 50 hPa ở 20 °C
* 120 hPa ở 50 °C

không áp dụng

Không có dữ liệu nào được biết.

1. (25 °C)

(nước / 4 °C = 1,00)

1. g/cm3 (25 °C)

Không có dữ liệu nào được biết.

* 280 °C

15 - 19 mPa.s không áp dụng

(ISO 3679) (iso 9038)

(DIN 51757) (DIN 51757)

(DIN 51794) (DIN 51562)

1. Thông tin khác

Xem 9.2 độ tan trong nước: Diễn ra quá trình phân hủy do thủy phân. Các giới hạn nổ của metanol thoát ra:

1. - 44%(thể tích). Xem 9.2 Giá Trị pH: Sản phẩm có phản ứng trung tính.

**MỤC 10: Độ bền và khả năng phản ứng**

1. - 10.3 Khả năng phản ứng; Độ bền hóa học; Khả năng gây các phản ứng nguy hiểm

Nếu được bảo quản và thao tác theo các biện pháp thực hành công nghiệp thông thường thì chưa thấy có phản ứng nguy hiểm nào.

Có thể tìm được thông tin liên quan trong các phần khác của mục này.

1. Các điều kiện cần tránh

hơi ẩm , Nhiệt, ngọn lửa trần, và các nguồn lửa khác.

1. Các vật liệu tương ky

Phản ứng với: nước , các chất có tính kiềm và các axit . Phản ứng gây tạo thành: metanol .

**Bản Thông Tin An Toàn**

Vật liệu: 60006506 SUNHA® SUPER 98P

Phiên Bản: 2.3 (VN) Ngày in: 24.05.2018 Ngày sửa đổi lần cuối: 11.04.2017

1. Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm

I Bằng cách thủy phân: metanol . Các số liệu đo được cho thấy có sự tạo thành các lượng nhỏ formaldehyt tại nhiệt độ cao hơn khoảng 150 °C (302 °F) do oxy hóa.

**MỤC 11: Thông tin về độc tính**

1. Thông tin về các tác dụng độc
2. Độ độc cấp tính Đánh giá:

Với các sản phẩm tương tự, không xác định được bất kỳ dấu hiệu hiểm họa cụ thể nào về việc hít phải khí dung trong các thử nghiệm trên động vật. Tuy vậy, cũng cần tránh hít phải khí dung có thể hít.

Các chi tiết về sản phẩm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Đường tiếp xúc | Kết quả/Tác dụng | Loài/Hệ Thống Thử Nghiệm | Nguồn |
| khi hít phải (bụi xịt) | LC50: > 240 ml/h; 4 h  Không có tình trạng tử vong nào ở nhiệt độ phòng trongkhí quyển có nồng độ cao hoặc bão hòa. | chuột (rat) | Kết luận bằng cách so sánh tương đô |

Acute toxicity estimate (ATE):

ATEmix (qua miệng): > 2000 mg/kg

1. Ăn mòn/kích ứng da Đánh giá:

Về điểm cuối này, không có dữ liệu thử nghiệm độc tính nào cho toàn bộ sản phẩm này.

1. Tổn thương nghiêm trọng/ kích ứng mắt Đánh giá:

Về điểm cuối này, không có dữ liệu thử nghiệm độc tính nào cho toàn bộ sản phẩm này.

1. Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da Đánh giá:

Về điểm cuối này, không có dữ liệu thử nghiệm độc tính nào cho toàn bộ sản phẩm này.

1. Đột biến gel Đánh giá:

Về điểm cuối này, không có dữ liệu thử nghiệm độc tính nào cho toàn bộ sản phẩm này.

1. Tác nhân gây ung thư Đánh giá:

Về điểm cuối này, không có dữ liệu thử nghiệm độc tính nào cho toàn bộ sản phẩm này.

1. Độc tính sinh sản Đánh giá:

Về điểm cuối này, không có dữ liệu thử nghiệm độc tính nào cho toàn bộ sản phẩm này.

1. Độc tính hệ thống/Cơ quan mục tiêu cụ thể - tiếp xúc 1 lần Đánh giá:

Về điểm cuối này, không có dữ liệu thử nghiệm độc tính nào cho toàn bộ sản phẩm này.

1. Độc tính hệ thống/Cơ quan mục tiêu cụ thể - tiếp xúc lặp lại Đánh giá:

Về điểm cuối này, không có dữ liệu thử nghiệm độc tính nào cho toàn bộ sản phẩm này.

**Bán Thông Tin An Toàn**

Vật liệu: 60006506 SUNHA® SUPER 98P

Phiên Bản: 2.3 (VN) Ngày in: 24.05.2018 Ngày sửa đổi lần cuối: 11.04.2017

1. Hiểm họa hít phải Đánh giá:

Về điểm cuối này, không có dữ liệu thử nghiệm độc tính nào cho toàn bộ sản phẩm này.

1. Thông tin thêm về độc tính

Sản phẩm thủy phân / tạp chất: Metanol (mã số CAS 67-56-1) dễ dàng và nhanh chóng được hấp thụ qua tất cả các đường tiếp xúc và độc với tất cả các đường tiếp xúc. Metanol có thể gây kích ứng niêm mạc, cũng như gây buồn nôn, nôn ói, nhức đầu, mất thăng bằng và rối loạn về thị giác, bao gồm mù, (tổn thương không hồi phục cho dây thần kinh thị giác), nhiễm toan, co thắt, mê man và hôn mê. Các tác dụng này có thể sẽ chậm diễn ra sau khi tiếp xúc.

**MỤC 12: Thông tin về sinh thái**

1. Độc Tính Đánh giá:

Về toàn bộ sản phẩm, chưa có dữ liệu thử nghiệm nào.

1. Độ bền và khả năng phân hủy Đánh giá:

Tiếp xúc với nước phóng thích metanol và silanol- và/hoặc các hợp chất của siloxanol. Nồng độ silicon: Không bị phân hủy sinh học. Loại bỏ bằng cách dùng bùn hoạt hóa để hấp phụ. Sản phẩm thủy phân (metanol) dễ bị phân hủy sinh học.

1. Khả năng tích tụ sinh học Đánh giá:

Tích tụ sinh học dự kiến sẽ không xảy ra.

1. Di chuyển trong đất Đánh giá:

Nồng độ silicon: Bị hấp thụ bởi các hạt nổi. Phân tách do lắng đọng.

1. Các tác dụng có hại khác

Chưa biết

**MỤC 13: Xem xét vê việc thải bỏ**

1. Các phương pháp xử lý chất thải
2. Vật liệu

Đề nghị:

Vật liệu không dùng được, không tái xử lý hoặc tái chế được phải thải bỏ theo quy định của địa phương, Bang và Liên bang tại cơ sở đã được chấp thuận. Tùy theo quy định, phương pháp xử lý chất thải có thể bao gồm, ví dụ như chôn lấp hoặc thiêu hủy.

1. Bao bì chưa làm sạch

Đề nghị:

Xả cạn các thùng chứa (không còn nhỏ giọt, không còn để lại bột, nạo bỏ cho thật sạch). Có thể tái chế hoặc sử dụng lại các dụng cụ đựng. Tuân thủ các quy định của địa phương/bang/liên bang. Bao bì chưa làm sạch phải được xử lý bằng các biện pháp đề phòng như đối với vật liệu.

**MỤC 14: Thông tin vê việc vận chuyển**

1. - 14.4 Mã UN; Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN); (các) nhóm hiểm họa vận chuyển; Nhóm đóng gói

Lộ trình tiếp xúc

Đánh giá : Không quy định cho vận chuyển

Đường sắt - RID:

Đánh giá : Không quy định cho vận chuyển

**Bán Thông Tin An Toàn**

Vật liệu: 60006506 SUNHA® SUPER 98P

Phiên Bản: 2.3 (VN) Ngày in: 24.05.2018 Ngày sửa đổi lần cuối: 11.04.2017

Vận chuyển đường biển - Mã IMDG:

Đánh giá : Không quy định cho vận chuyển

Vận chuyển đường hàng không - ICAO-TI / IATA-DGR:

Đánh giá : Không quy định cho vận chuyển

1. Các hiểm họa cho môi trường

Độc hại cho môi trường: không

1. Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng

Vận chuyển đường bộ: Không được quy định trong Nhóm 3 - ADR/RID 2.2.3.1.1 LƯU Ý 1 - Chất không duy trì sự cháy!

Vận chuyển theo đường sắt: Không được quy định trong Nhóm 3 - ADR/RID 2.2.3.1.1 LƯU Ý 1 - Chất không duy trì sự cháy!

Vận chuyển theo đường biển: Không được quy định trong Nhóm 3 - IMDG 2.3.1.3- Chất không duy trì sự cháy!

Vận chuyển đường hàng không: Không được quy định trong Nhóm 3 - IATA 3.3.1.3 / ICAO 3.1.3- Chất không duy trì sự cháy! Thông tin liên quan trong những mục khác cần phải được xem xét.

1. Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ Lục II của Hiệp Định MARPOL và Quy Tắc IBC Không dự định để vận chuyển số lượng lớn trong bồn chứa.

**MỤC 15: Thông tin về quy định**

1. Quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường riêng cho chất hoặc hỗn hạp

Phải tuân thủ các quy định của quốc gia và địa phương.

Để xem thông tin về việc ghi nhân, xin tham khảo mục 2 của tài liệu này.

1. Chi tiết về tình trạng đăng ký quốc tế

Nếu có, thì thông tin liên quan đến từng danh mục chất sẽ được cung cấp sau đó.

ECL (Existing Chemicals List):

Hàn Quốc (Cộng Hòa Hàn Quốc)

Úc

Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa ..

Canada

Philippines

Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ (USA) . Đài Loan (Trung Hoa Dân Quốc) .

Khu vực kinh tế châu Âu (EEA)

Sản phẩm này được nêu trong hoặc tuân theo danh mục chất.

AICS (Australian Inventory of Chemical Substances):

Sản phẩm này được nêu trong hoặc tuân theo danh mục chất.

IECSC (Inventory of Existing Chemical Substances in China):

Sản phẩm này được nêu trong hoặc tuân theo danh mục chất.

DSL (Domestic Substance List):

Sản phẩm này được nêu trong hoặc tuân theo danh mục chất.

PICCS (Philippine Inventory of Chemicals and Chemical Substances):

Sản phẩm này được nêu trong hoặc tuân theo danh mục chất.

TSCA (Toxic Substance Control Act Chemical Substance Inventory):

Sản phẩm này được nêu trong hoặc tuân theo danh mục chất.

TCSI (Taiwan Chemical Substance Inventory):

Sản phẩm này được nêu trong, hoặc tuân theo, danh mục chất. Lưu ý chung: Quy định REACH của Đài Loan yêu cầu phải đăng ký giai đoạn 1 cho những chất được nêu trong, hoặc tuân theo Danh Mục Hóa Chất của Đài Loan (TCSI) nếu khi nhập khẩu vào hoặc sản xuất tại Đài Loan vượt quá mức số lượng bắt đầu áp dụng là 100 kg/mỗi năm (hỗn hợp sẽ được tính theo từng thành phần). Pháp nhân nhập khẩu/sản xuất có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ này.

REACH (Regulation (EC) No 1907/2006):

Lưu ý chung: Nhà cung cấp phải hoàn tất các nghĩa vụ đăng ký phát sinh từ việc nhập khẩu hay sản xuất trong Khu Vực Kinh Tế Châu Âu (EEA) của nhà cung cấp trong mục 1. Người sử dụng sau phải hoàn tất các nghĩa vụ đăng ký phát sinh từ việc khách hàng hay những người sử dụng sau nhập khẩu vào Khu Vực Kinh Tế Châu Âu (EEA).

**Bản Thông Tin An Toàn**

Vật liệu: 60006506 SUNHA® SUPER 98P

Phiên Bản: 2.3 (VN) Ngày in: 24.05.2018 Ngày sửa đổi lần cuối: 11.04.2017

**MỤC 16: Thông tin khác**

1. Vật liệu

Các chi tiết trong tài liệu này được dựa theo tình trạng hiểu biết của chúng tôi vào thời điểm sửa đổi. Chung không cấu thành sự bảo đảm cho các tính chất của sản phẩm đã được nêu về yêu cầu bảo hành mà pháp luật quy định.

Việc cung cấp tài liệu này cho người nhận không làm giảm bớt trách nhiệm của người nhận trong việc tuân thủ tất ca các luật lệ và quy định áp dụng cho sản phẩm. Điều này được áp dụng đặc biệt cho hoạt động bán tiếp hoặc phân phối sản phẩm hoặc chất hoặc món hàng có chứa sản phẩm này, trong các khu vực có thẩm quyền quản lý khác và về việc bảo vệ cho các quyền sở hữu tài sản trí tuệ. Nếu sản phẩm đã nêu được xử lý hoặc trộn lẫn với các chất hoặc vật liệu khác, các thông tin chi tiết nêu trong tài liệu này sẽ không được áp dụng cho sản phẩm mới tạo thành trừ khi việc này đã được đề cập đến rõ ràng. Nếu sản phẩm được đóng gói lại, người nhận có nghĩa vụ cung cấp thêm các thông tin an toàn cần thiết.

Mọi trường hợp chuyển nhượng đều phải tuân thủ Chính Sách Chăm Sóc Y Tế của WACKER SILICONES Health Care, được cung cấp trên [www.wacker.com](http://www.wacker.com).

1. Thông tin thêm:

Dấu phẩy trong các số liệu là dấu phân cách thập phân. Các vạch thẳng đứng bên lề trái cho biết có các thay đổi so với phiên bản trước. Phiên bản này thay thế tất cả các phiên bản trước đây.

- Kết thúc Bản Thông Tin An Toàn -